

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 660/NQ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND tỉnh về việc thông qua dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 96/TTr-SCT ngày 29/7/2026, Công văn số 3191/SCT-QLCN ngày 13/8/2026 và Công văn số 3445/SCT-QLCN ngày 26/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp địa phương nâng cao năng lực sản xuất, làm chủ công nghệ, tự sản xuất các linh kiện, thiết bị đầu

vào, giảm phụ thuộc nhập khẩu, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số”.

- Nâng cao năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm để doanh nghiệp địa phương trở thành nhà cung ứng (cấp 1, cấp 2) cho các tập đoàn lớn và doanh nghiệp FDI.

- Hỗ trợ chuyển đổi số, áp dụng mô hình nhà máy thông minh, đào tạo nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu thành lập Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng; tăng cường kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế thuộc các ngành: Điện tử thông minh, thiết bị năng lượng, đường sắt, cơ khí và tự động hoá, ô tô, công nghiệp công nghệ cao, dệt may, da giày. Xây dựng nền công nghiệp tỉnh với năng lực sản xuất mới, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

- Phân đầu đạt tỷ lệ nội địa hoá: Ngành điện tử đạt 25%; ngành cơ khí chế tạo đạt 40%; ngành ô tô đạt 22%; ngành dệt may đạt 60%; ngành da giày đạt 60%; công nghiệp công nghệ cao đạt 15%.

- Dự kiến hỗ trợ 15 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ tư vấn, đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế, trong đó dự kiến khoảng 08 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

- Dự kiến hỗ trợ 03 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu và phát triển, trong đó 01 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công, có ứng dụng, đổi mới công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

- Dự kiến hỗ trợ 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hoạt động liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục khác có đào tạo trình độ đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khác.

b) Đến năm 2035:

- Công nghiệp hỗ trợ tỉnh được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế; chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo.

- Phần đầu đạt tỷ lệ nội địa hóa: Ngành điện tử đạt 35%; ngành cơ khí chế tạo đạt 50%; ngành ô tô đạt 32%; ngành dệt may đạt 70%; ngành da giày đạt 70%; công nghiệp công nghệ cao đạt 20%.

- Dự kiến hỗ trợ tư vấn, đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế cho 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trong đó 10 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

- Dự kiến hỗ trợ 05 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, trong đó 03 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công giải pháp công nghệ mới, triển khai hiệu quả sản xuất thử nghiệm và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

- Dự kiến hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hoạt động liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục khác có đào tạo trình độ đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khác cho 30 doanh nghiệp công nghiệp.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư

a) Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Trung ương và Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ đối với phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh;

b) Hỗ trợ đối với một số hoạt động nghiên cứu phát triển, đầu tư sản xuất, chuyển giao công nghệ, nhất là loại hình công nghệ mới, công nghệ cốt lõi, công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có chất lượng;

c) Tập trung triển khai đồng bộ các nhóm chính sách thiết thực theo quy định của Trung ương nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn, đất đai, công nghệ và kết nối thị trường; đồng thời, chủ động định hướng thu hút các dự án FDI chất lượng cao có cam kết chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nội địa.

2. Về khoa học - công nghệ, nhân lực và đào tạo

a) Hỗ trợ các hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức, quy trình, hệ thống đánh giá, công nhận trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ phù hợp, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

b) Hỗ trợ tư vấn, nghiên cứu phát triển, mua bán, ứng dụng kỹ thuật, chuyển giao đổi mới và nâng cấp công nghệ trong hoạt động thử nghiệm, sản xuất vật liệu cơ bản, linh kiện, phụ tùng và nguyên vật liệu; hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất các nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường, nguyên liệu tái chế; tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong việc chuyển đổi xanh, xử lý nước thải, sử dụng hoá chất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng năng lượng tái tạo, sản xuất và kinh doanh bền vững, từng bước đáp ứng

yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và nâng cao khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển giải pháp nhà máy thông minh vào quy trình sản xuất, hệ thống quản trị sản xuất và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý và sản xuất của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu; hỗ trợ đánh giá về công nghệ, quản trị, chất lượng và xây dựng lộ trình nâng cấp doanh nghiệp theo yêu cầu chuỗi cung ứng của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

d) Hỗ trợ tư vấn, đào tạo doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cải tiến quy trình sản xuất, quy trình quản lý đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được thành lập theo đề án của Bộ Công Thương hoặc của tỉnh.

e) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

3. Về xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu

a) Khảo sát, thu thập thông tin và phân loại doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công đoạn, công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

b) Hỗ trợ tích hợp và khai thác vào Hệ thống cơ sở dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng số về công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước; cung cấp thông tin về công nghiệp chế biến chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

4. Về xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường và truyền thông

a) Hỗ trợ xác định doanh nghiệp dẫn dắt trong từng chuỗi cung ứng nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống nhà cung ứng trong nước; hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác, phát triển sản phẩm và nâng cấp công nghệ trong các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng, tạo liên kết và kết nối các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ với các đối tác, khách hàng, trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho các tập đoàn đa quốc gia và các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ khác ở trong và ngoài nước; xúc tiến, hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; tổ chức nghiên cứu, đánh giá, phân tích thị trường.

b) Hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong tỉnh; xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thông qua các hình thức như: Tổ chức hoặc tham gia các triển lãm, hội chợ, hội nghị kết nối, xúc tiến thu hút đầu tư của quốc gia hoặc quốc tế.

c) Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước mở rộng hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm và thương hiệu hàng Việt Nam về công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển chuỗi cung ứng trong nước.

d) Bố trí, dành quỹ đất, mặt bằng sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và các đối tượng ưu tiên khác tiếp cận, thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật; nghiên cứu hình thành các khu, cụm liên kết ngành công nghiệp hỗ trợ phù hợp với quy hoạch, nhu cầu phát triển công nghiệp và khả năng thu hút đầu tư của tỉnh.

Khi thành lập các khu công nghiệp dành tối thiểu 5 ha hoặc tối thiểu 3% tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và các đối tượng ưu tiên khác thuê đất, thuê lại đất theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.

Đối với Cụm công nghiệp ưu tiên dành riêng tối thiểu 5% diện tích đất công nghiệp khi thành lập để quy hoạch Cụm liên kết ngành công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ tiền thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội.

đ) Ưu tiên xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư, các ngành công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ như các dự án sản xuất linh kiện, phụ tùng, cơ khí chính xác, vật liệu mới, thiết bị điện - điện tử, sản phẩm phục vụ công nghiệp năng lượng, đóng tàu, logistics và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với quy hoạch phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp.

e) Phổ biến nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin về các chính sách, thị trường, cung cầu, về các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các yêu cầu, quy định về sản xuất và kinh doanh bền vững, về năng lực sản xuất ngành công nghiệp hỗ trợ thông qua các hình thức như: Tổ chức hội thảo, diễn đàn, hội nghị, xuất bản các bản tin, ấn phẩm quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

f) Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, báo cáo sơ kết, tổng kết Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

1.1. UBND tỉnh là cơ quan quản lý, chỉ đạo chung việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

1.2. Giao Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND tỉnh quản lý, tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.3. Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chủ động lồng ghép các nội dung phát triển công nghiệp hỗ trợ vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

1.4. Đơn vị chủ trì thực hiện các đề án thuộc Chương trình là các tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án và giao nhiệm vụ thực hiện đề án thuộc Chương trình; được tiếp nhận kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo quy định.

1.5. Đơn vị thụ hưởng là các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương: Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn kinh phí do ngân sách Trung ương bố trí.

2. Ngân sách địa phương: Được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Nguồn vốn khác: Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ; nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước; các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình được quản lý, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện (có Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (theo chỉ đạo tại Công văn số 10356/UBND-CNXD ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh).

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình để bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

c) Căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh hình thành, đầu tư phát triển Trung tâm kỹ

thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại địa phương trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Công Thương.

d) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết 5 năm và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Công Thương trước ngày 20/12 hàng năm.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2035 theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ, kết nối, giới thiệu doanh nghiệp đến các tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm định đủ điều kiện để thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định pháp luật.

b) Đánh giá, thẩm định công nghệ theo lĩnh vực; tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu giúp các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số tại địa phương.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học và công nghệ các cấp theo mục tiêu phát triển của tỉnh.

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan hỗ trợ tích hợp và khai thác vào Hệ thống cơ sở dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng số về công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ; rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong tiếp cận đất đai, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Thuế tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính, đơn vị có liên quan thực hiện các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Giám sát, hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định các thủ tục về môi trường, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và sản xuất xanh đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

6. Thuế tỉnh Đắk Lắk

Tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích và hỗ trợ chính sách thuế, phí, lệ phí khác đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động công nghiệp hỗ trợ theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

7. Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk

Phối hợp với Sở Công Thương xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và theo dõi tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại các khu chức năng.

8. Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường liên quan

a) Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất trên địa bàn.

b) Lồng ghép việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Rà soát, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, sản phẩm và nhu cầu hỗ trợ thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

d) Tổng hợp, phản ánh khó khăn, vướng mắc và nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gửi Sở Công Thương và cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và phạm vi, lĩnh vực quản lý có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ triển khai các nội dung theo Chương trình; huy động nguồn lực để tham gia các dự án ưu tiên của Chương trình; thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của đơn vị quy định tại Quyết định số 929/QĐ-TTg và Chương trình này theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Trưởng thuế tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- TT CN&CTTĐT tỉnh;
- Các Phòng: ĐTKT, NNMT, TH, KGVX;
- Lưu: VT, CNXD_s

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Mỹ

PHỤ LỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ/Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm dự kiến/Yêu cầu đạt được	Thời gian/Tiến độ hoàn thành
I	SỞ CÔNG THƯƠNG				
1	Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2027
2	Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh đề án đầu tư phát triển Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp hiện có.	Sở Công Thương	Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Đề án	Năm 2028
3	Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hàng năm	Sở Công Thương	Sở Tài chính	Kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm	Định kỳ trước 15/7 hàng năm
4	Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi Bộ Công Thương và UBND tỉnh.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	- Báo cáo hàng năm; - Báo cáo sơ kết 5 năm; - Báo cáo tổng kết.	- Báo cáo năm: Trước ngày 20/12 hàng năm; - Sơ kết: Năm 2030; - Tổng kết: Năm 2035.
II	SỞ TÀI CHÍNH				
1	Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đắk Lắk	Sở Tài chính	Sở Công Thương	Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Định kỳ hàng năm theo Luật NSNN
III	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
1	Hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp đến các tổ chức thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận đủ điều	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	Các hoạt động tư vấn, kết nối chứng nhận cho	Thường xuyên

	kiện.			doanh nghiệp	
2	Đánh giá, thẩm định công nghệ; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Các nhiệm vụ/đề tài KH&CN được phê duyệt và triển khai	Hàng năm
3	Phối hợp tích hợp, khai thác dữ liệu công nghiệp hỗ trợ vào Hệ thống cơ sở dữ liệu số toàn quốc.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	Cơ sở dữ liệu được kết nối và vận hành	Thường xuyên
IV SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong tiếp cận đất đai, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan	Văn bản quy định/hướng dẫn chính sách đất đai của tỉnh	Năm 2027
2	Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Hàng năm
3	Giám sát, hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định các thủ tục về môi trường, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và sản xuất xanh đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan	Văn bản hướng dẫn, kiểm tra/quyết định thẩm định	Thường xuyên
V SỞ NỘI VỤ					
1	Chủ trì, phối hợp xây dựng các kế hoạch/chương trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân công nghiệp hỗ trợ.	Sở Nội vụ	Sở Công Thương, các cơ sở đào tạo	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực được tổ chức	Hàng năm
VI THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK					
1	Tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí cho các tổ chức, cá nhân hoạt động công nghiệp hỗ trợ.	Thuế tỉnh	Sở Công Thương, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Các buổi hội thảo, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thuế	Thường xuyên

VII BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẮC LẮK					
1	Phối hợp xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vào khu công nghiệp; theo dõi, báo cáo tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong khu công nghiệp.	BQL các Khu kinh tế và các KCN Đắc Lắc	Sở Công Thương, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Văn bản phối hợp/ Báo cáo	Thường xuyên
VIII CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN VÀ UBND CẤP XÃ/PHƯỜNG					
1	Tuyên truyền chính sách; lồng ghép nhiệm vụ công nghiệp hỗ trợ vào kế hoạch phát triển KT-XH địa phương.	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã/phường	Sở Công Thương	Kế hoạch KT-XH hàng năm của địa phương	Hàng năm
2	Rà soát, tổng hợp nhu cầu, khó khăn của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã/phường	Sở Công Thương	Báo cáo tổng hợp vướng mắc và tình hình công nghiệp hỗ trợ	Trước ngày 05/12 hàng năm